

Bản án số: 04/2021/HNGĐ-ST
Ngày: 04/8/2021
V/v kiện xin ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHÚ LƯƠNG, TỈNH THÁI NGUYÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Hồng Khánh

Các hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Đức Phúc;

2. Bà Đặng Thị Đào.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Phương – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Phú Lương, tỉnh Thái Nguyên.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phú Lương tham gia phiên tòa:
Bà Trần Thị Miên – Kiểm sát viên.

Ngày 04 tháng 8 năm 2021, tại Hội trường xét xử Toà án nhân dân huyện Phú Lương, tỉnh Thái Nguyên xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 35/2021/TLST - HNGĐ, ngày 15/3/2021 về tranh chấp ly hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 10/2021/QĐXXST-HNGĐ, ngày 12 tháng 7 năm 2021 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Vi Thị T, sinh năm 1989.

Địa chỉ: Xóm C, xã Đ, huyện P, tỉnh T2.

- Bị đơn: Anh Lý Thanh T1, sinh năm 1988.

Địa chỉ: Xóm M, xã P1, huyện P, tỉnh T2.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn xin ly hôn và các lời khai tại Tòa án nguyên đơn là Vi Thị T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị T kết hôn với anh T1 năm 2014, có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật tại UBND xã Phấn Mễ, huyện Phú Lương, tỉnh Thái Nguyên. Trước khi kết hôn hai anh chị được tìm hiểu và tự nguyện đến với nhau, không bị ai lừa dối, cưỡng ép. Sau khi kết hôn, hai anh chị về chung sống với nhau ở xóm M, xã P1, huyện P, tỉnh T2, sau đó một thời gian hai anh chị thuê nhà ra ở riêng. Thời gian đầu hai anh chị chung sống với nhau hạnh phúc, sau đó mâu thuẫn bắt đầu phát sinh, vợ chồng không có tiếng nói chung, thường xuyên cãi vã lẫn nhau, mâu thuẫn xảy ra ngày càng trầm trọng, do chị T phát hiện anh T1 nợ

này, chị T đã khuyên can nhiều lần nhưng anh T1 không thay đổi. Xác định cuộc sống hôn nhân rơi vào tình trạng trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, không thể hàn gắn, do vậy chị T đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh T1.

Về con chung: Hai anh chị có 01 con chung là Lý Vi Quang M1, sinh ngày 04/6/2017, hiện đang ở với chị T. Chị T có nguyện vọng được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung sau khi ly hôn và yêu cầu anh T1 cấp dưỡng nuôi con chung là 3.000.000 đồng/tháng.

Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa bị đơn là anh Lý Thanh T1 trình bày: Anh T1 nhất trí với phần trình bày của chị T về thời gian, điều kiện kết hôn, con chung, tài sản chung và nợ chung. Anh T1 xác định trong quá trình chung sống, vợ chồng chỉ hạnh phúc với nhau trong thời gian đầu, sau đó mâu thuẫn bắt đầu nảy sinh, vợ chồng không có tiếng nói chung do vấn đề tài chính, mâu thuẫn mẹ chồng – con dâu và do chị T có tình cảm bên ngoài với người khác. Hiện hai anh chị đang sống ly thân với nhau, anh T1 đồng ý ly hôn với chị T do hết tình cảm.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, hướng các đương sự về đoàn tụ. Tuy nhiên chị T vẫn kiên quyết muốn ly hôn với anh T1 và có nguyện vọng được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung; anh T1 xác định đã hết tình cảm với chị T, nhất trí ly hôn với chị T và cũng có nguyện vọng được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung. Do các đương sự không thống nhất được với nhau về việc giải quyết toàn bộ nội dung của vụ án nên Tòa án quyết định đưa vụ án ra xét xử công khai. Tại phiên tòa, các đương sự vẫn giữ nguyên quan điểm của mình như trên.

Quan điểm của Kiểm sát viên tại phiên tòa:

- Về trình tự, thủ tục tố tụng: trong quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, các đương sự đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình.

- Về nội dung vụ án: Căn cứ Điều 51, 55, 81, 82, 83 Luật hôn nhân gia đình năm 2014, Nghị quyết 326 ngày 30/12/2016 về án phí, lệ phí Tòa án. Về quan hệ hôn nhân: Công nhận sự thỏa thuận của anh T1 và chị T về việc thuận tình ly hôn; về con chung: Giao cháu Lý Vi Quang M1, sinh ngày 04/6/2017 cho chị T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng; mức cấp dưỡng chị T yêu cầu là cao so với điều kiện sống tại địa phương, đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết theo quy định, anh T1 được quyền đi lại, thăm nom con chung. Tài sản chung, nợ chung: không có, không xem xét giải quyết; chị T phải nộp án phí ly hôn theo quy định của pháp luật; anh T1 phải nộp án phí cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền: Đây là vụ án ly hôn, tranh chấp về nuôi con chung giữa nguyên đơn là chị Vi Thị T và bị đơn là anh Lý Thanh T1 (địa chỉ tại xóm M, xã P1, huyện P, tỉnh T). Căn cứ theo quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án này thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Phú Lương, tỉnh Thái Nguyên.

[2] Quan hệ hôn nhân: chị T và anh T1 kết hôn với nhau tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại UBND xã Phấn Mễ, huyện Phú Lương, tỉnh Thái Nguyên vào năm 2014, như vậy hôn nhân giữa chị T và anh T1 là hợp pháp. Sau khi kết hôn hai anh chị chung sống hạnh phúc, sau đó phát sinh mâu thuẫn do không hợp nhau về tính cách, vợ chồng không có tiếng nói chung, thường xuyên cãi vã lẫn nhau, hai anh chị sống ly thân với nhau từ tháng 11/2020, quan hệ vợ chồng không còn tồn tại trên thực tế. Quá trình Tòa án giải quyết vụ án, Tòa án đã cố gắng hòa giải để hàn gắn tình cảm giữa hai anh chị, tuy nhiên chị T vẫn kiên quyết muốn ly hôn với anh T1. Anh T1 cũng xác định đã hết tình cảm với chị T và đồng ý ly hôn. Do vậy, cần công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Vi Thị T và anh Lý Thanh T1.

[3] Con chung: Hai anh chị có 01 con chung là Lý Vi Quang M1, sinh ngày 04/6/2017, chị T và anh T1 đều có nguyện vọng được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung sau khi ly hôn. Xét điều kiện, hoàn cảnh của chị T và anh T1: Chị T làm hợp đồng không chuyên trách lao động, bảo vệ trẻ em tại UBND xã Y, huyện P, tỉnh T, thu nhập 2.354.000 đồng/tháng, chị T còn làm thêm tại Hợp tác xã A, thu nhập 7.000.000 đồng/tháng, như vậy, tổng thu nhập của chị T là 9.354.000 đồng/tháng; anh T1 công tác tại Công ty B, thu nhập trung bình 10.000.000 đồng/tháng. Chị T và anh T1 đều có đủ điều kiện kinh tế để có thể nuôi dưỡng, chăm sóc con chung. Tuy nhiên, từ khi cháu M1 được sinh ra đến nay, cháu đều ở cùng với chị T, việc giao con cho anh T1 sẽ làm xáo trộn cuộc sống của cháu, làm mất sự ổn định về tâm lý của con chung. Do đó cần giao con chung cho chị T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục để đảm bảo sự phát triển mọi mặt của con chung.

Tại phiên tòa, chị T yêu cầu anh T1 phải cấp dưỡng nuôi con chung là 3.000.000 đồng/tháng, anh T1 không nhất trí với mức cấp dưỡng chị T yêu cầu. Xét thấy yêu cầu của chị T là cao so với mặt bằng thu nhập ở địa phương, do đó cần buộc anh T1 phải cấp dưỡng nuôi con chung là 2.000.000 đồng/tháng cho đến khi con chung đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác.

[4] Về tài sản chung, nợ chung: Chị T và anh T1 đều xác nhận là không có tài sản chung, nợ chung, không đề nghị Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về án phí: chị T phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật. Anh T1 phải chịu án phí cấp dưỡng nuôi con theo quy định.

[6] Các đương sự được quyền kháng cáo theo quy định pháp luật.

[7] Xét đề nghị của Viện kiểm sát nhân dân huyện Phú Lương, tỉnh Thái Nguyên là phù hợp, có căn cứ để chấp nhận.

Vì các lẽ nêu trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; 271; 273 Bộ luật tố tụng dân sự, các Điều 51; 53; 55; 58; 81; 82; 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Công nhận thuận tình ly hôn giữa chị Vi Thị T và anh Lý Thanh T1.

2. Về con chung: Giao cháu Lý Vi Quang M1, sinh ngày 04/6/2017 cho chị T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Anh T1 có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con chung 2.000.000 đồng/tháng cho đến khi con chung đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác. Anh T1 được quyền đi lại thăm con chung không bị ai cản trở.

Kể từ ngày người có quyền được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án mà người phải thi hành án chậm thi hành thì phải chịu lãi suất đối với số tiền chậm thi hành theo quy định tại Điều 357, khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

3. Án phí: Chị Vi Thị T phải nộp 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm được trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0008066 ngày 15/3/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Phú Lương. Anh T1 phải nộp 300.000 đồng án phí cấp dưỡng nuôi con chung.

Án xử công khai sơ thẩm, có mặt nguyên đơn, bị đơn, báo cho biết có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn là 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Thái Nguyên;
- VKSND huyện Phú Lương;
- Chi cục THADS Phú Lương;
- UBND xã Phấn Mễ;
- Các đương sự;
- Lưu: HS, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Lê Hồng Khánh

Hội thẩm nhân dân

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Lê Hồng Khánh

Hội thẩm nhân dân

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Lê Hồng Khánh